TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày: 23-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Điểu Kim Rương

2. Ông Trần Trọng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hớn Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/5/2025, tại Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tuyết M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 362/15/11 T, A, quận G, TP .. Vắng mặt

* Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ H, khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại các bản tự khai, nguyên đơn bà Hoàng Thị Tuyết M trình bày:

Bà M và bà T là bạn bè thân quen. Ngày 29/8/2020, bà M có cho bà T vay số tiền 300.000.000đ. Ngày 21/01/2024 lại tiếp tục cho bà T vay số tiền 200.000.000đ. Do số tiền vay nhiều nên ngày 29/01/2024, bà M đã yêu cầu bà T ký xác nhận số tiền đã vay và cam kết trả nợ. Các bên thỏa thuận bà T sẽ thanh toán cho bà M số tiền nợ gốc một lần vào ngày 29/01/2025, tiền lãi bắt đầu tính từ ngày 01/02/2024 với lãi suất 1,6%/tháng và sẽ phải trả vào ngày 21 hằng tháng. Nếu bà T không trả đủ tiền

gốc và lãi vay thì còn phải chịu tiền chậm trả tương ứng 0,05%/tổng số vốn và lãi còn thiếu/ngày. Bà M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp để yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ nợ gốc là lãi theo quy định khi bà T không trả lãi 03 tháng liên tiếp.

Để đảm bảo khoản vay, bà T có đưa cho bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH322184, số vào sổ CH01375 do UBND huyện H cấp ngày 11/11/2011 mang tên hộ ông Lê Đình H và bà Đỗ Thị T thửa đất số 171 tờ bản đồ số 44 tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước để làm tin.

Tháng 02/2024 là thời điểm bắt đầu bà T phải trả cho bà M tiền lãi nhưng đến tháng 5/2024 bà T mới bắt đầu trả tiền lãi cho bà M với số tiền 3.000.000đ. Giữa tháng 5/2024, bà T lại trả thêm số tiền lãi 2.000.000đ, cuối tháng 5/2024 trả tiền lãi 5.000.000đ và đến tháng 8/2024 trả thêm 1.000.000đ tiền lãi. Ngày 25/8/2024 trả số tiền lãi 30.000.000đ, ngày 26/9/2024 trả thêm số tiền lãi 13.000.000đ. Ngoài ra không trả thêm khoản tiền nào khác.

Bà M khởi kiện cầu buộc bà Đỗ Thị T trả cho bà M số tiền nợ gốc là 500.000.000đ và tiền lãi còn thiếu với lãi suất 1,6%/tháng tạm tính đến ngày 01/8/2024 là 37.000.000đ. Tại đơn xin vắng mặt, bà M tạm tính tiền lãi đến ngày xét xử 23/5/2025 là 83.400.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bị chưa thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền gốc và lãi vay cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà M khởi kiện yêu cầu buộc bà T cư trú tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng *Bản thỏa thuận v/v xác nhận nợ vay và cam kết trả nợ ngày 29/01/2024*. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt bà M và bà T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M thấy rằng:

Hợp đồng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, thể hiện rõ về số tiền vay, lãi suất, thời hạn. Khi ký bản thỏa thuận, các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật Dân sự.

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc:

Theo lời khai của nguyên đơn thì ngày 29/8/2020, bà M có cho bà T vay số tiền 300.000.000đ, ngày 21/01/2024 cho vay thêm số tiền 200.000.000đ. Nội dung này được xác nhận tại Bản thỏa thuận ngày 29/01/2024, có chữ ký, điểm chỉ của các bên. Theo lời khai của nguyên đơn, bà T chưa trả khoản nợ gốc nào. Bà T không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc trả nợ. Vì vậy, có căn cứ cho rằng bà T chưa trả số tiền 500.000.000đ cho bà M. Nguyên đơn khởi kiện buộc bà T trả khoản tiền này là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Theo Bản thỏa thuận thì bà M cho bà T vay với lãi suất 1,6%/tháng, tiền lãi bắt đầu được tính từ ngày 01/02/2024. Nếu bà T không trả đủ tiền gốc và lãi vay thì còn phải chịu tiền chậm trả tương ứng 0,05%/tổng số vốn và lãi còn thiếu/ngày. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, bà M chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận xem xét với mức lãi suất 1,6%/tháng.

Tiền lãi bà T phải trả cho bà M từ ngày 01/02/2024 đến nay (ngày 23/5/2025 là 15 tháng 20 ngày) là: 500.000.000đ x 1,6% x 15 tháng + 500.000.000đ x 1,6% : 30 x 22 ngày = 120.000.000đ + 5.866.666đ = 125.866.666đ.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2024, bà M trình bày bà T đã trả được số tiền lãi là 54.000.000đ và trình bày cụ thể là vào đầu tháng 5/2024, bà T trả số tiền 3.000.000đ, giữa tháng 5.2024 trả 2.000.000đ, ngày 29/5/2024 trả 5.000.000đ, tháng 8/2024 chuyển khoản 1.000.000đ, ngày 25/8/2024 trả số tiền 30.000.000đ, ngày 26/9/2024 trả thêm số tiền 13.000.000đ. Như vậy, có căn cứ xác định bà T đã trả cho bà M số tiền lãi là 54.000.000đ.

Vậy, bà T còn phải trả bà M số tiền lãi là 125. 866.666đ - 54.000.000đ = 71.866.666đ

Tại đơn xin vắng mặt ngày 07/5/2025, bà M lại cho rằng bà T đã trả số tiền lãi 43.000.000đ và yêu cầu bà T phải trả cho bà M số tiền lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 23/5/2025 là 83.400.000đ là không có căn cứ, chỉ được chấp nhận với số tiền 71.866.666đ, không được xem xét số tiền 83.400.000đ - 71.866.666đ = 11.533.334đ.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 117, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2[.T1: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Tuyết M.

Buộc bà Đỗ Thị T phải trả cho bà Hoàng Thị Tuyết M số tiền 571.866.666đ (năm trăm bảy mươi mốt triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó bao gồm 500.000.000đ tiền gốc và 71.866.666đ tiền lãi tính đến nay (ngày 23/5/2025).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đỗ Thị T phải nộp 26.874.666đ (hai mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị Tuyết M số tiền 12.740.000đ (mười hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005529 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Hớn Quản
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải